

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 83/2022/QĐST-DS

Lâm Hà, ngày 19 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái Sơn**.

Các hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Trần Thị Hằng**;

+ Bà **Ngô Thị Luân**.

- Căn cứ các ; Điều 147; Điều 212; Điều 213; Điều 235 và Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 148/2022/TLST- DS ngày 28 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, ông Phạm Anh T và vợ chồng ông Lê Tấn Đ bà Nguyễn Thị H thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 12/01/2022, giữa ông T với vợ chồng ông Đ bà H. Vợ chồng ông Đ bà H có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền cọc là 420.000.000đồng.

Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Đ bà H tự nguyện thanh toán cho ông Phạm Anh T số tiền là 3.980.500đồng (*Ba triệu chín trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng*).

- Về án phí: **Vợ chồng ông Đ bà H tự nguyện nhận chịu 20.800.000đ** (*Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho cho ông Phạm Anh T 12.300.000đ (*Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo **biên lai thu số 0003338 ngày 28/6/2022** của Cục Thi Hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Phạm Anh T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số X, TT Đình Văn, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng.

* *Bị đơn*: Vợ chồng Ông Lê Tấn Đ, sinh năm: 1985.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà. Đ diện theo pháp luật ông P, Trưởng ban.

Trụ sở: Thôn T, xã Đa Dòn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Nội dung thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hủy Hợp đồng đặt cọc lập ngày 12/01/2022 giữa ông Phạm Anh T với vợ chồng ông Lê Tấn Đ bà Nguyễn Thị H.

- Buộc vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Phạm Anh T số tiền là 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: **Vợ chồng ông Lê Tấn Đ bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Phạm Anh T số tiền là 3.980.500 đồng** (*Ba triệu chín trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng*). chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Về án phí: **Vợ chồng ông Đ bà H tự nguyện nhận chịu 20.800.000đ** (*Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Anh T 12.300.000đ (*Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo **biên lai thu số 0003338 ngày 28/6/2022** của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA DS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2022/DS-ST.

Ngày: 19/9/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Hằng;

+ Bà Ngô Thị Luân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Trọng Thắng – Thư ký Tòa án.

- *Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Anh T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 164 TDP Văn Tâm, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng Ông Lê Tấn Đ, sinh năm: 1985.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà. Đ diện theo pháp luật ông Phạm Minh Liệu, Trưởng ban.

Trụ sở: Thôn Tân Lâm, xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
(Ông T, ông Đ bà H có mặt, ông Liệu vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phạm Anh Trình bày như sau:* Ngày 12/01/2022, tôi và vợ chồng ông Đ bà H có thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất khoảng 03 ha (chưa được cấp GCN) trên đất đã trồng cây cà phê và cây ăn trái, tại thôn 8, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, giá thỏa thuận là 3.880.000.000đồng. Hai bên tiến hành lập hợp đồng đặt cọc, tôi đã đặt cọc cho vợ chồng ông Đ bà H số tiền 500.000.000đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận đến ngày 12/03/2022 sẽ thanh toán, hai bên đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, trong thời gian chờ làm thủ tục chuyển nhượng tôi đã tìm hiểu thì được biết diện tích đất trên thuộc đất Lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà quản lý. Tôi đã gặp vợ chồng ông Đ bà H yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc lập ngày 12/01/2022 và yêu cầu vợ chồng ông Đ bà H trả lại số tiền 420 triệu đồng tiền cọc nhưng vợ chồng ông Đ bà H không trả. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất lập ngày 12/01/2022 giữa tôi với vợ chồng ông Đ bà H. Buộc vợ chồng ông Đ bà H trả lại cho tôi số tiền cọc là 420 triệu đồng, ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Lê Tấn Đ bà Nguyễn Thị H trình bày ý kiến như sau:* Ngày 12/01/2022 thì vợ chồng tôi và ông Phạm Anh Tthỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất khoảng 03 ha, tại thôn 8, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà (đất chưa được cấp GCN) trên đất đã trồng cây lâu năm. Nguồn gốc diện tích đất này do vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng lại của một người khác, giá thỏa thuận là 3.880.000.000đồng, sau khi thỏa thuận xong hai bên có lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất và tài sản trên đất ngày 12/01/2022, ông T đặt cọc số tiền 500 triệu đồng. Nhưng thực tế ông T chuyển khoản cho vợ chồng tôi số tiền 420.000.000đồng, số tiền còn lại 80 triệu đồng ông T chuyển khoản cho bên môi giới vợ chồng tôi không biết, số tiền còn lại 3.380.000.000đ hai bên thỏa thuận đến ngày 12/03/2022 ông T thanh toán hết cho vợ chồng tôi nếu ông T không mua diện tích đất trên thì mất số tiền đặt cọc. Vợ chồng tôi đã giao diện tích đất và cây trồng trên đất cho ông T canh tác. Đến tháng 4/2022 ông T khởi kiện vợ chồng tôi yêu cầu vợ chồng tôi trả lại số tiền 500.000.000đ nhận cọc với lý do diện tích đất trên là đất quy hoạch đất rừng vợ chồng tôi trả lại số tiền 420 triệu đồng cho ông T. Ngoài ra, vợ chồng tôi không còn yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà có văn bản trình bày ngày 22/8/2022 như sau: Diện tích đất 23.141,2m² tại thôn 8 (Bằng Sơn) xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, hiện đang tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa ông Phạm Anh Tvới vợ chồng ông Lê Tấn Đ bà Nguyễn Thị H là thuộc đất lâm nghiệp, thuộc khoản 1, tiểu khu 285 địa giới hành chính xã Tân Thanh, đối tượng rừng sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà quản lý theo quyết định 1004/QĐ-UBND tỉnh Lâm Đồng. Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà đề nghị Tòa án giải quyết diện tích đất 23.141,2m² theo quy định của pháp luật, ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các bên đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Anh Tvề việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc với vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H.

- Hủy Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Anh Tvới vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H, lập ngày 12/01/2022.

- Buộc vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Phạm Anh Tsố tiền là 420.000.000đồng.

- Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ quyền sử dụng đất, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ.

- Về án phí: Vợ chồng ông Lê Tấn Đ bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí DSST tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Người có liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà, Đ diện theo pháp luật ông Phạm Minh Liệu vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Anh Tvới vợ chồng ông Lê Tấn Đ bà Nguyễn Thị H, diện tích đất hai bên thỏa thuận là khoảng 03 ha (chưa được cấp

GCN) trên đất đã trồng cây cà phê và cây ăn trái, tại thôn 8, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, giá thỏa thuận là 3.880.000.000đồng. Hai bên tiến hành lập hợp đồng đặt cọc, ông T đã đặt cọc cho vợ chồng ông Đ bà H số tiền 500.000.000đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận đến ngày 12/03/2022 sẽ thanh toán hết; trong thời gian chờ làm thủ tục chuyển nhượng thì được biết diện tích đất vợ chồng ông Đ bà H chuyển nhượng thuộc đất Lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà quản lý, ông T yêu cầu vợ chồng ông Đ bà H trả lại số tiền nhận cọc nhưng vợ chồng ông Đ bà H không trả nên phát sinh tranh chấp. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên hủy hợp đồng đặt cọc giữa ông với vợ chồng ông Đ, bà H xác lập ngày 12/01/2022. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày và ý kiến tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 12/01/2022 vợ chồng ông Đ bà H có thỏa thuận với ông T về chuyển nhượng diện tích đất khoảng 03 ha (chưa được cấp GCN) trên đất đã trồng cây cà phê và cây ăn trái, tại thôn 8, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, giá thỏa thuận là 3.880.000.000đồng. Hai bên tiến hành lập hợp đồng đặt cọc ông T đã chuyển vào tài khoản cho vợ chồng ông Đ bà H số tiền 420.000.000đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận đến ngày 12/03/2022 sẽ thanh toán, trong thời gian chờ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất theo quy định của pháp luật thì ông T biết diện tích đất vợ chồng ông Đ bà H chuyển nhượng cho ông T là đất Lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà quản lý. Ông T đã gặp vợ chồng ông Đ bà H yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc lập ngày 12/01/2022 và yêu cầu vợ chồng ông Đ bà H trả lại số tiền 500 triệu đồng tiền cọc nhưng vợ chồng ông Đ bà H không đồng ý trả. Còn bị đơn vợ chồng ông Đ bà H cho rằng; Diện tích đất vợ chồng ông bà chuyển nhượng cho ông T vào ngày 12/01/2022 là ông bà nhận chuyển nhượng của một người khác nên ông bà không biết là đất lâm nghiệp, giá hai bên thỏa thuận là 3.880.000.000đ, ông T chuyển vào tài khoản cho vợ chồng ông bà số tiền 420.000.000đ còn số tiền 80.000.000đ vợ chồng ông bà không nhận của ông T nên không chấp nhận trả số tiền 500.000.000đ theo yêu cầu của ông T, vợ chồng ông bà đồng ý lại tiền cọc 420 triệu đồng nhận từ ông T. Nhận thấy; Diện tích đất vợ chồng ông Đ bà H thỏa thuận cho ông T khoảng 03 ha (chưa được cấp GCN) trên đất đã trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn 8, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà là đất lâm nghiệp, thuộc khoản 1, tiểu khu 285 địa giới hành chính xã Tân

Thanh, đối tượng rừng sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà quản lý theo quyết định 1004/QĐ-UBND tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đ, bà H với ông T xác lập ngày 12/01/2022 là giao dịch dân sự vô hiệu. Tại phiên họp và hòa giải ngày 31/8/2022, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông Đ bà H phải trả cho ông số tiền nhận cọc là 420.000.000đ. Việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định của pháp luật. Do vậy cần buộc vợ chồng ông Đ bà H phải trả số tiền 420.000.000đồng cho ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vợ chồng ông Đ bà H cũng tự nguyện trả số tiền nhận cọc 420.000.000đ cho ông T nên cần ghi nhận.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà, Đ diện theo pháp luật ông Phạm Minh Liệu cho rằng; Diện tích đất 23.141,2m² tại thôn 8 (Bằng Sơn) xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, vợ chồng ông Lê Tấn Đ bà Nguyễn Thị H lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cho ông Phạm Anh T là đất lâm nghiệp, thuộc khoản 1, tiểu khu 285 địa giới hành chính xã Tân Thanh, đối tượng rừng sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà quản lý theo quyết định 1004/QĐ-UBND tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án Đ diện Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Hà không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án ông T có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên cần buộc ông Đ, bà H phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định đo đạc số tiền là 5.661.000đồng, đã được quyết toán xong.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 161; Điều 104; Điều 203; điểm c khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 328 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T. Hủy hợp đồng hợp đồng đặt cọc xác lập ngày 12/01/2022 giữa ông Phạm Anh T với vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H.

- Buộc vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Phạm Anh T số tiền nhận cọc là 420.000.000, đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Phạm Anh T số tiền là 5.661.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H phải chịu 20.800.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại ông Phạm Anh T số tiền 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003338 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/9/2022). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú, nơi có trụ sở làm việc để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT – TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- UBND xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà;
- Lưu HS vụ án;

Nguyễn Thái Sơn